

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Biểu mẫu 7

(Kèm theo công văn số 1784 /ĐHTN ngày 13 tháng 11 năm 2014
của Đại học Thái Nguyên)

THÔNG BÁO

**Công khai danh sách cán bộ giảng viên tham gia từng chương trình đào tạo
hệ chính quy của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2014-2015**

Biểu 7.1: Sư phạm Toán

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Trần Đình Minh				x		Đại số	0.33
2	Phạm Việt Đức		x				Hình học	0.5
3	Phạm Hiến Bằng		x				Giải tích	0.5
4	Hà Trần Phương			x			Giải tích	0.5
5	Nguyễn Danh Nam			x			PPGD	0.5
6	Lưu Phương Thảo				x		Đại số	0.33
7	Trần Nguyên An			x			Đại số	0.33
8	Nguyễn Văn Hoàng			x			Đại số	0.33
9	Phạm Thị Tuyết Mai				x		Giải tích	0.16
10	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0.2
11	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0.2
12	Bùi Thế Hùng			x			Giải tích	0.33
13	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0.16
14	Nguyễn Văn Thìn				x		Giải tích	0.33
15	Trịnh Diệp Linh			x			Giải tích	0.33
16	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0.25
17	Trần Huệ Minh			x			Hình học	0.25
18	Dương Quang Hải			x			Hình học	0.33
19	Nguyễn Văn Ninh				x		Hình học	0.33
20	Trương Quyết Thắng				x		Hình học	0.33
21	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			Hình học	0.2
22	Cao Thị Hà		x				PPGD	0.5
23	Phan Thị Phương Thảo				x		PPGD	0.5
24	Trần Việt Cường			x			PPGD	0.5
25	Đỗ Thị Trinh			x			PPGD	0.5

26	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0.2
27	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0.17
28	Trần Đình Hùng				x		Toán ứng dụng	0.33
29	Nông Quỳnh Vân				x		Toán ứng dụng	0.33
30	Giáp Văn Sự					x	Toán ứng dụng	0.33
31	Nguyễn Mạnh Đức			x			Tin học	0.33
32	Trương Thị Hương				x		Tin học	0.33
33	Ng Thị Thu Hiền				x		Tin học	0.33
34	Trần Ngọc Hà				x		Tin học	0.33
35	Nguyễn Văn Trường				x		Tin học	0.33
36	Ngô Tú Quyên				x		Tin học	1
37	Lê Bích Liên				x		Tin học	0.2
38	Nguyễn T Ánh Hằng					x	Đại số	0.5
39	Hoàng Ngọc Yến					x	Đại số	0.5
40	Vũ Đức Quang					x	Tin học	0.5
41	Đoàn Thị Minh Thái				x		Tin học	0.2
42	Trần Đỗ Minh Châu				x		Đại số	0.5
43	Vũ Thị Thái		x				Toán ứng dụng	0.5
44	Lương Thị Hồng Lan				x		Tin học	0.2
45	Nguyễn Duy Phương				x		Giải tích	1
46	Triệu Hải Long					x	Tin học	0.25
	Cộng	0	4	16	21	5		17.1

Biểu 7.2: Sư phạm Toán Chất lượng cao

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Việt Đức		x				Hình học	0.5
2	Phạm Hiến Bằng		x				Giải tích	0.5
3	Hà Trần Phương			x			Giải tích	0.5
4	Nguyễn Danh Nam			x			PPGD	0.5
5	Trần Nguyên An			x			Đại số	0.33
6	Nguyễn Văn Hoàng			x			Đại số	0.33
7	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0.2
8	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0.2
9	Bùi Thế Hùng			x			Giải tích	0.33
10	Trịnh Diệp Linh			x			Giải tích	0.33
11	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0.25

12	Trần Huệ Minh			x			Hình học	0.25
13	Dương Quang Hải			x			Hình học	0.33
14	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			Hình học	0.3
15	Cao Thị Hà		x				PPGD	0.5
16	Trần Việt Cường			x			PPGD	0.5
17	Đỗ Thị Trinh			x			PPGD	0.5
18	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0.2
19	Nguyễn Mạnh Đức			x			Tin học	0.33
20	Đào Thị Liên			x			Giải tích	0.33
21	Vũ Thị Thái		x				Toán ứng dụng	0.5
	Cộng	0	4	17	0	0	0	7.7

Biểu 7.3: Sự phạm Tin

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Trần Đình Minh				x		Đại số	0.3
2	Lưu Phương Thảo				x		Đại số	0.3
3	Trần Nguyên An			x			Đại số	0.3
4	Nguyễn Văn Hoàng			x			Đại số	0.3
5	Phạm Thị Tuyết Mai				x		Giải tích	0.16
6	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0.2
7	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0.2
8	Bùi Thế Hùng			x			Giải tích	0.33
9	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0.16
10	Nguyễn Văn Thìn				x		Giải tích	0.33
11	Trịnh Diệp Linh			x			Giải tích	0.33
12	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0.25
13	Trần Huệ Minh			x			Hình học	0.25
14	Dương Quang Hải			x			Hình học	0.33
15	Nguyễn Văn Ninh				x		Hình học	0.33
16	Trương Quyết Thắng				x		Hình học	0.33
17	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			Hình học	0.3
18	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0.2
19	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0.165
20	Trần Đình Hùng				x		Toán ứng dụng	0.33
21	Nông Quỳnh Vân				x		Toán ứng dụng	0.33

22	Giáp Văn Sự					x	Toán ứng dụng	0.33
23	Nguyễn Mạnh Đức			x			Tin học	0.33
24	Trương Thị Hương				x		Tin học	0.33
25	Ng Thị Thu Hiền				x		Tin học	0.33
26	Trần Ngọc Hà				x		Tin học	0.33
27	Nguyễn Văn Trường				x		Tin học	0.33
28	Ngô Tú Quyên				x		Tin học	0.16
29	Lê Bích Liên				x		Tin học	0.2
30	Cáp Thanh Tùng				x		Tin học	0.5
31	Phạm Văn Tiến				x		Tin học	0.5
32	Đoàn Thị Minh Thái				x		Tin học	0.2
33	Lương Thị Hồng Lan				x		Tin học	0.2
34	Triệu Hải Long					x	Tin học	0.33
	Cộng	0	0	12	20	2		9.9

Biểu 7.4: Sư phạm Vật lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Thị Thu Hà				x		PP giảng dạy	1
2	Trương Văn Hòa				x		VL lý thuyết	0.5
3	Cao Tiến Khoa				x		PP giảng dạy	1
4	Phan Đình Quang				x		PP giảng dạy	0.5
5	Nguyễn Quang Linh				x		PP giảng dạy	0.5
6	Thái Quốc Bảo				x		PP giảng dạy	0.5
7	Trần Khánh				x		PP giảng dạy	1
8	Huỳnh Thị Hồng Sương				x		PP giảng dạy	1
9	Nguyễn Hồng Lĩnh				x		Toán đại cương	1
10	Vương Kim Yến				x		VL kỹ thuật	1
11	Lê Bá Tứ				x		VL kỹ thuật	1
12	Nguyễn Quang Hải				x		VL kỹ thuật	1
13	Lê Thị Hồng Gấm				x		VL kỹ thuật	1
14	Cao Minh Thắng				x		VL kỹ thuật	1
15	Võ Quang Hoàn					x	VL kỹ thuật	1
16	Ngô Tuấn Ngọc				x		VL kỹ thuật	1
17	Chu Việt Hà			x			VL lý thuyết	0.5
18	Vũ Thị Kim Liên		x				VL chất rắn	0.5

19	Phạm Hữu Kiên			x			VL lý thuyết	0.5
20	Đỗ Thị Huế				x		VL lý thuyết	1
21	Dương Duy Hùng				x		VL lý thuyết	1
22	Vũ Thị Hồng Hạnh			x			VL đại cương	0.5
23	Đỗ Thùy Chi			x			VL đại cương	0.5
24	Giáp Thùy Trang				x		VL đại cương	1
25	Đỗ Thị Hiền					x	VL đại cương	1
26	Khúc Hùng Việt				x		VL đại cương	1
27	Đặng Thị Hương				x		VL đại cương	1
28	Bùi Xuân Khuyến					x	VL đại cương	1
29	Dương Thị Hà					x	VL đại cương	1
30	Nguyễn Thanh Bình				x		VL đại cương	1
	Cộng	0	1	4	21	4		25.5

Biểu 7.5: Sự phạm Hóa

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Hữu Thiêng		x				Hóa lý	1
2	Dương Thị Tú Anh			x			Hóa phân tích	1
3	Hoàng Thị Chiên			x			Phương pháp GD	0.5
4	Phạm Hồng Chuyên				x		Hóa lý	1
5	Phạm Hải					x	Hóa vô cơ	0.5
6	Lê Huy Hoàng				x		PP giảng dạy	0.5
7	Vũ Thị Hậu			x			Hóa lý	1
8	Nguyễn Thị Hân				x		PP giảng dạy	0.5
9	Trần Thị Huế				x		Hóa phân tích	1
10	Nghiêm Thị Hương				x		Hóa vô cơ	0.5
11	Nguyễn Mậu Đức				x		PP giảng dạy	0.5
12	Nguyễn Thị Tổ Loan			x			Hóa vô cơ	0.5
13	Nguyễn Thị Hiền Lan		x				Hóa vô cơ	1
14	Chu Mạnh Nhượng				x		Hóa phân tích	1
15	Vũ Văn Nhượng				x		Hóa CNN&MT	0.5
16	Phạm Thị Hà Thanh			x			Hóa vô cơ	0.5
17	Dương Ngọc Toàn				x		Hóa hữu cơ	1
18	Nguyễn Văn Trung				x		Hóa vô cơ	0.5
19	Đinh Thuý Vân				x		Hóa hữu cơ	0.5

20	Phạm Văn Khang				x		Hóa hữu cơ	1
21	Trần Quốc Toàn				x		Hóa lý	1
22	Đỗ Trà Hương		x				Hóa lý	1
23	Ngô Thị Mai Việt			x			Hóa phân tích	0.5
24	Mai Xuân Trường			x			Hóa phân tích	1
25	Bùi Đức Nguyên			x			Hóa vô cơ	0.5
26	Nguyễn T Thanh Hương			x			Hóa hữu cơ	1
27	Lê Thị Phương					x	Hóa phân tích	0
28	Nguyễn Thị Thanh Nhân					x	Hóa phân tích	0
29	Nguyễn Công Biên					x	Hóa hữu cơ	0
	Cộng	0	3	9	13	4		19.5

Biểu 7.6: Sư phạm Ngữ văn

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đào Thị Vân		x				Ngôn ngữ	0.5
2	Bùi Huy Quảng				x		Văn học Việt Nam	0.5
3	Nguyễn Hằng Phương		x				Văn học dân gian	0.5
4	Đào Thuỷ Nguyên		x				Văn học Việt Nam	0.5
5	Nguyễn Thị Nhung			x			Ngôn ngữ	0.50
6	Đặng Quyết Tiến				x		Văn học nước ngoài	0.25
7	Hoàng Thị Thập				x		Văn học nước ngoài	0.25
8	Hoàng Điệp			x			Văn học Việt Nam	0.5
9	Nguyễn Thị Hạnh Phương				x		Ngôn ngữ	0.5
10	Trần Thị Đoàn				x		Văn học Việt Nam	0.5
11	Lê Thị Hương Giang				x		Ngôn ngữ	0.5
12	Ngô Thị Thanh Nga			x			Văn học trung đại	0.5
13	Dương Thu Hằng			x			Văn học trung đại	0.5
14	Cao Thị Hào			x			Văn học Việt Nam	0.5
15	Phạm Quốc Tuấn				x		Văn học trung đại	0.5
16	Nguyễn Thị Thắm			x			Văn học nước ngoài	0.5
17	Nguyễn Thị Minh Thu			x			Văn học dân gian	0.5
18	Trần Thị Ngọc Anh				x		Lý luận văn học	0.5
19	Nguyễn Thị Thu Thủy			x			Phương pháp dạy học	0.5
20	Ngô Thị Thu Trang				x		Hán nôm	0.20
21	Ngô Thu Thủy			x			Văn học Việt Nam	0.25

22	Nguyễn Thu Quỳnh				x		Ngôn ngữ	0.5
23	Ngô Thị Thanh Quý			x			Văn học dân gian	0.33
24	Hồ Thị Phương Trang				x		Ngôn ngữ	1
25	Nguyễn Nhật Huy				x		Lý luận văn học	1
26	Ngọc Hải Anh				x		Văn học dân gian	1
27	Đào Thị Hồng Hạnh				x		Phương pháp dạy học	1
28	Hoàng Mai Quyên				x		Phương pháp dạy học	1
29	Nguyễn Diệu Thương				x		Ngôn ngữ	1
30	Nguyễn Hồng Linh					x	Hán nôm	1
31	Nguyễn Kiều Hương				x		Lý luận văn học	1
32	Ôn Mỹ Linh			x			Văn học nước ngoài	0.5
33	Trần Thị Nhung				x		Văn học Việt Nam	1
34	Nguyễn Thị Cẩm Anh				x		Văn học nước ngoài	1
35	Lương Thị Hải Vân				x		Hán nôm	1
36	Nông Quỳnh Trâm				x		Lý luận văn học	1
37	Trần Thị Ngọc				x		Văn học Việt Nam	1
38	Nguyễn Thị Bích				x		Ngôn ngữ	0.5
39	Phạm Thị Thu Hoài				x		Ngôn ngữ	1
	Cộng	0	3	11	24	1		25.3

Biểu 7.7: Sư phạm Ngữ văn chất lượng cao

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Đào Thị Vân		x				Ngôn ngữ	0.5
3	Nguyễn Hằng Phương		x				Văn học dân gian	0.5
4	Đào Thuỷ Nguyên		x				Văn học Việt Nam	0.5
5	Nguyễn Thị Nhung			x			Ngôn ngữ	0.50
8	Hoàng Điệp			x			Văn học Việt Nam	0.5
12	Ngô Thị Thanh Nga			x			Văn học trung đại	0.5
13	Dương Thu Hằng			x			Văn học trung đại	0.5
14	Cao Thị Hào			x			Văn học Việt Nam	0.5
16	Nguyễn Thị Thắm			x			Văn học nước ngoài	0.5
17	Nguyễn Thị Minh Thu			x			Văn học dân gian	0.5
19	Nguyễn Thị Thu Thủy			x			Phương pháp dạy học	0.5
21	Ngô Thu Thủy			x			Văn học Việt Nam	0.25
23	Ngô Thị Thanh Quý			x			Văn học dân gian	0.33

24	Mai Thị Nhung			x			Văn học Việt Nam	0.33
25	Ôn Mỹ Linh			x			Văn học nước ngoài	0.5
26	Nguyễn Thị Bích			x			Ngôn ngữ	0.5
	Cộng	0	3	13	0	0		7.4

Biểu 7.8: Sư phạm Lịch sử

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Hà Thị Thu Thủy		x				Lịch sử VN	1.00
2	Nguyễn Thị Quế Loan			x			Nhân học Văn hoá	0.50
3	Lê Thị Thu Hương				x		Lịch sử VN	1.00
4	Nguyễn Thị Hải				x		Lịch sử VN	1.00
5	Nguyễn Thị Hòa					x	Lịch sử VN	1.00
6	Âu Sơn Hưng				x		Lịch sử Việt Nam	1.00
7	Âu Đình Viên				x		PP dạy học Lịch sử	1.00
8	Đỗ Hồng Thái		x				PP dạy học Lịch sử	1.00
9	Tạ Tương Chân					x	PP dạy học Lịch sử	0.50
10	Mai Văn Nam				x		PP dạy học Lịch sử	1.00
11	Nguyễn Hà Giang			x			PP dạy học Lịch sử	1.00
12	Nguyễn Văn Quyết				x		PP dạy học Lịch sử	1.00
13	Lê Thị Thu Hương				x		PP dạy học Lịch sử	0.50
14	Nghiêm Thị Hải Yến			x			LS Thế giới	1.00
15	Kim Ngọc Thu Trang			x			LS Thế giới	1.00
16	Hoàng Xuân Trường				x		LS Thế giới	1.00
17	Trần Kim Thủy				x		LS Thế giới	1.00
18	Nguyễn Thị Trang					x	Lịch sử Thế giới	1.00
19	Nguyễn Khánh Như				x		LS Thế giới	1.00
20	Đàm thị Uyên		x				Lịch sử Việt Nam	1.00
21	Hoàng Thị Mỹ Hạnh			x			Lịch sử Việt Nam	1.00
22	Hoàng Thị Trà My				x		LS Thế giới	1.00
23	Nguyễn Đức Thắng				x		Khảo cổ học	1.00
	Cộng	0	3	5	12	3		21.50

Biểu 7.9: Sự phạm Địa lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Dương Quỳnh Phương			x			Địa lý kinh tế xã hội	1
2	Nguyễn Thị Hồng		x				Địa lý tự nhiên	1
3	Nguyễn Thị Mây				x		Địa lý tự nhiên	1
4	Đỗ Văn Hào				x		Phương pháp GD	1
5	Nguyễn Phương Liên			x			Phương pháp GD	1
6	Vũ Vân Anh			x			Địa lý kinh tế	1
7	Phạm Thu Thuý				x		Địa lý tự nhiên	1
8	Hoàng Thanh Vân				x		Địa lý tự nhiên	1
9	Trần Đức Văn				x		Địa lý tự nhiên	1
10	Phạm Tất Thành				x		Địa lý tự nhiên	1
11	Nguyễn T Minh Nguyệt				x		Địa lý tự nhiên	1
12	Phạm Hương Giang				x		Địa lý tự nhiên	1
13	Nguyễn Thị Thu Hà (Đ)				x		Địa lý tự nhiên	1
14	Nguyễn Thanh Mai				x		Địa lý tự nhiên	1
15	Đào Duy Minh				x		Địa lý tự nhiên	1
16	Hoàng Thị Hoài Linh				x		Địa lý kinh tế	1
17	Nghiêm Văn Long					x	Địa lý tự nhiên	1
18	Nguyễn Thị Nhâm				x		Phương pháp GD	1
19	Đỗ Vũ Sơn			x			Phương pháp GD	1
20	Thân Thị Huyền				x		Địa lý kinh tế xã hội	1
	Cộng	0	1	4	14	1		20

Biểu 7.10: Sự phạm Sinh học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0.25
2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0.25
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0.25
4	Nguyễn Văn Hồng		x				PPDH sinh học	0.25
5	Nguyễn Phúc Chính		x				PPDH sinh học	0.25
6	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0.25

7	Vũ Thanh Trà			x			Di truyền học	0.25
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0.25
9	Nguyễn Thị Hà			x			PPDH sinh học	0.25
10	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0.25
11	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động	0.2
12	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0.25
13	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0.25
14	Nguyễn Thị Hằng				x		PPDH sinh học	0.33
15	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0.25
16	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0.33
17	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0.25
18	Bành Thị Mai Anh				x		Di truyền học	0.33
19	Hoàng Phú Hiệp				x		Di truyền học	0.33
20	Nguyễn Viết Thắng				x		Sinh thái học	0
21	Lê Phương Dung				x		Di truyền học	0.5
22	Vũ Trọng Lượng				x		SL Động vật	0.33
23	Nguyễn Đức Hùng				x		SL Động vật	0.33
24	Nguyễn Viết Tiến			x			Vi sinh học	0.25
25	Lê Thị Ngọc Thương				x		Vi sinh học	0.5
26	Cao Văn Thuật					x	Động vật học	0.5
27	Hoàng Thanh Thủy					x	Chăn nuôi	0.33
28	Tạ Thị Ngọc Hà					x	Sinh lý học thực vật	1
29	Nguyễn T Hồng Chuyên					x	Hóa học	0.33
30	Hoàng Thanh Tâm				x		PPDH sinh học	0.5
31	Từ Quang Trung				x		Chăn nuôi	0.5
32	Nguyễn Vũ Bảo					x	Sinh thái học	0.5
33	Đinh Thị Phượng						Sinh thái học	0.2
34	Nguyễn Hữu Quân			x		x	Hóa sinh học	0.25
35	Nguyễn Thị Thu Hà (S)				x		Sinh lý thực vật	0.33
36	Cao Thị Phương Thảo					x	Sinh học	0.33
37	Nguyễn Thị Quỳnh Anh				x		Sinh thái học	0.5
	Cộng	1	4	13	12	7		12.2

Biểu 7.11: Sơ phạm Sinh - KTNV

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0.25

2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0.25
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0.25
4	Nguyễn Văn Hồng		x				PPDH sinh học	0.25
5	Nguyễn Phúc Chính		x				PPDH sinh học	0.25
6	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0.25
7	Vũ Thanh Trà			x			Di truyền học	0.25
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0.25
9	Nguyễn Thị Hà			x			PPDH sinh học	0.25
10	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0.25
11	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động	0.2
12	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0.25
13	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0.25
14	Nguyễn Thị Hằng				x		PPDH sinh học	0.33
15	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0.25
16	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0.33
17	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0.25
18	Bành Thị Mai Anh				x		Di truyền học	0.33
19	Hoàng Phú Hiệp				x		Di truyền học	0.33
20	Nguyễn Viết Thắng				x		Sinh thái học	0.5
21	Lê Phương Dung				x		Di truyền học	0.5
22	Vũ Trọng Lượng				x		SL Động vật	0.33
23	Nguyễn Đức Hùng				x		Động vật học	0.33
24	Nguyễn Hữu Quân				x		Hóa sinh học	0.25
25	Nguyễn Viết Tiến			x			Vì sinh học	0.25
26	Lê Thị Ngọc Thương				x		Vì sinh học	0.5
27	Nguyễn Thị Thu Hà (S)				x		Sinh lý thực vật	0.33
28	Cao Văn Thuật					x	Động vật học	0.5
29	Hoàng Thanh Thủy					x	Chăn nuôi	0.33
30	Nguyễn T Hồng Chuyên					x	Hóa học	0.33
31	Hoàng Thanh Tâm					x	PPDH sinh học	0.5
32	Từ Quang Trung				x		Chăn nuôi	0.5
33	Nguyễn Vũ Bảo					x	Sinh thái học	0.5
34	Đinh Thị Phượng			x			Sinh thái học	0.2
35	Cao Thị Phương Thảo					x	Sinh học	0.33
36	Nguyễn Thị Quỳnh Anh				x		Sinh thái học	0.5
	Cộng	1	4	13	12	6		11.7

Biểu 7.12: Sự phạm Sinh chất lượng cao

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0.25
2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0.25
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0.25
4	Nguyễn Văn Hồng		x				PPDH sinh học	0.25
5	Nguyễn Phúc Chính		x				PPDH sinh học	0.25
6	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0.25
7	Vũ Thanh Trà			x			Di truyền học	0.25
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0.25
9	Nguyễn Thị Hà			x			PPDH sinh học	0.25
10	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0.25
11	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0.25
12	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0.25
13	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0.25
14	Nguyễn Viết Tiến			x			Vi sinh học	0.25
15	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động	0.2
16	Đinh Thị Phụng			x				0.2
17	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0.25
18	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0.25
	Cộng	1	4	13	0	0		4.4

Biểu 7.13: Giáo dục thể chất

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Danh Vũ					x	Điền kinh	0.5
2	Trương Tấn Hùng				x		Bóng chuyền	0.5
3	Nguyễn Văn Dũng				x		Đá cầu	0.5
4	Đỗ Thị Thái Thanh				x		Bóng bàn	0.33
5	Trần Thị Hoi					x	Thể dục	0.33
6	Nguyễn Văn Lực				x		Bơi lội	0.5
7	Đỗ Duy Linh					x	Điền kinh	0.5
8	Lê Đình Thành					x	Thể dục	0.5
9	Hà Quang Tiến			x			Điền kinh	0.5

10	Trần Thị Tú				x		Điền kinh	0.5
11	Nguyễn Đức Ninh				x		Võ	0.5
12	Phạm Văn Quang				x		GDTC	0.5
13	Nguyễn Thành Trung				x		Bóng rổ	0.5
14	Đỗ Ngọc Cương				x		Bóng đá	0.5
15	Trần Minh Khương				x		Bơi lội	0.5
16	Nguyễn Mạnh Hùng				x		Cầu long	0.5
17	Đào Ngọc Anh				x		Thế dục	0.5
18	Ma Đức Tuấn					x	Cờ vua	0.5
19	Nguyễn Đức Tuấn				x		Bóng chuyền	0.5
20	Võ Xuân Thủy				x		Võ	0.5
21	Đào Thị Hoa Quỳnh				x		Đá cầu	0.5
22	Lê Văn Hùng					x	GDTC	0.5
23	Nguyễn Thị Hà				x		Y Sinh-TDĐT	0.5
24	Mã Thiêm Phách					x	GDTC	0.5
25	Nguyễn Nhạc					x	Điền kinh	0.5
26	Nguyễn Đức Trường					x	Bóng rổ	0.5
27	Nguyễn Duy Nam					x	Thế dục	0.5
	Cộng	0	0	1	16	10		13.16

Biểu 7.14: Giáo dục thể chất - Quốc phòng

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Danh Vũ					x	Điền kinh	0.5
2	Trương Tấn Hùng				x		Bóng chuyền	0.5
3	Nguyễn Văn Dũng				x		Đá cầu	0.5
4	Đỗ Thị Thái Thanh				x		Bóng bàn	0.33
5	Trần Thị Hợi					x	Thế dục	0.33
6	Nguyễn Văn Lực				x		Bơi lội	0.5
7	Đỗ Duy Linh					x	Điền kinh	0.5
8	Lê Đình Thành					x	Thế dục	0.5
10	Hà Quang Tiến			x			Điền kinh	0.5
11	Trần Thị Tú				x		Điền kinh	0.5
12	Nguyễn Đức Ninh				x		Võ	0.5
13	Phạm Văn Quang				x		GDTC	0.5
14	Nguyễn Thành Trung				x		Bóng rổ	0.5

15	Đỗ Ngọc Cương				x		Bóng đá	0.5
16	Trần Minh Khương				x		Bơi lội	0.5
17	Nguyễn Mạnh Hùng				x		Cầu long	0.5
18	Đào Ngọc Anh				x		Thể dục	0.5
19	Ma Đức Tuấn					x	Cờ vua	0.5
20	Nguyễn Đức Tuấn				x		Bóng chuyền	0.5
21	Võ Xuân Thủy				x		Võ	0.5
22	Lê Văn Hùng					x	GDTC	0.5
23	Đào Thị Hoa Quỳnh				x		Đá cầu	0.5
24	Nguyễn Thị Hà				x		Y Sinh-TDĐT	0.5
25	Mã Thiêm Phách					x	GDTC	0.5
26	Nguyễn Nhạc					x	Điền kinh	0.5
27	Nguyễn Đức Trường					x	Bóng rổ	0.5
28	Nguyễn Duy Nam					x	Thể dục	0.5
	Cộng	0	0	1	16	10		13.16

Biểu 7.15: Giáo dục chính trị

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Vũ Thị Tùng Hoa			x			Triết học	1
2	Ngô Lan Anh			x			Triết học	1
3	Vũ Minh Tuyên			x			Triết học	1
4	Đồng Văn Quân			x			Triết học	1
5	Nguyễn Hữu Toàn			x			Lịch sử Đảng	1
6	Nguyễn Văn Tuyên				x		Lịch sử Đảng	1
7	Nguyễn Thị Khương			x			Triết học	1
8	Nguyễn T. Thu Hiền				x		Triết học	1
9	Nguyễn Thị Thanh Hà			x			Triết học	1
10	Nguyễn T. Hoàng Lan			x			Luật học	1
11	Hoàng Thu Thủy			x			Lịch sử Đảng	1
12	Nguyễn T. Minh Hiền					x	Lịch sử Đảng	1
13	Lý Trung Thành				x		Lịch sử Đảng	1
14	Nguyễn Tuấn Anh				x		Lịch sử Đảng	1
15	Trần Thị Hằng					x	Lịch sử Đảng	1
16	Trần Thanh An					x	Lịch sử Đảng	1
17	Thăng Văn Liêm				x		TTHCM	1
18	Vũ Thị Thủy				x		TTHCM	1

19	Phạm Thị Huyền				x		TTHCM	1
20	Thái Hữu Linh				x		PPGD	1
21	Nguyễn Thị Hường			x			CNXH KH	1
22	Trần Thị Lan			x			CNXH KH	1
23	Nguyễn Thị Mão				x		KTCT	1
24	Bùi Thị Vân Hương				x		KTCT	1
25	Vũ Thuý Hằng				x		Triết học	1
26	Nguyễn Thị Hạnh				x		KTCT	1
	Cộng	0	0	11	12	3		26

Biểu 7.16: Tâm lý - Giáo dục

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Phạm Hồng Quang		x				Giáo dục học	1
2	Nguyễn Thị Tính		x				Giáo dục học	1
3	Phùng Thị Hằng			x			Tâm lý học	1
4	Đầu Thị Thu				x		Tâm lý học	1
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền			x			Giáo dục học	1
6	Đinh Đức Hợi			x			Tâm lý học	0.5
7	Nguyễn Thị Mẫn				x		Giáo dục học	0.5
8	Lê Công Thành				x		Giáo dục học	1
9	Phí Thí Hiếu			x			Tâm lý học	1
10	Nguyễn Thị Chúc				x		Tâm lý học	1
11	Trịnh Thị Thuận				x		Tâm lý học	1
12	Trần Thị Minh Huệ			x			Giáo dục học	0.5
13	Lê Thị Phương Hoa				x		Tâm lý học	1
14	Hà Kim Linh			x			Giáo dục học	1
15	Phạm Văn Cường				x		Tâm lý học	1
16	Lê Thùy Linh			x			Giáo dục học	1
17	Lê Hồng Sơn				x		Giáo dục học	1
18	Đặng Thị Phương Thảo				x		Đoàn đội	1
19	Đàm Thị Kim Thu					x	Giáo dục học	1
20	Nguyễn Thị Út Sáu			x			Tâm lý học	1
21	Nguyễn Ngọc Hiếu				x		Giáo dục học	1
22	Nguyễn Thanh Tú				x		Giáo dục học	1
23	Nguyễn Thị Ngọc				x		Giáo dục học	1

24	Lê Như Hoa				x		Tâm lý học	1
25	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung				x		Tâm lý học	1
	Cộng	0	2	8	14	1		23.5

Biểu 7.17: Giáo dục mầm non

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Trần Thị Minh Huệ			x			Giáo dục học	0.5
2	Nguyễn Thị Mẫn				x		Giáo dục học	0.5
3	Đinh Đức Hợi			x			Tâm lý học CN	0.50
4	Hoàng Thị Tú				x		PPGD Toán	1
5	Dương Thị Thuý Vinh				x		Ngôn ngữ học	1
6	Nguyễn Thị Hoa				x		Ngôn ngữ học	1
7	Ngô Mạnh Dũng				x		Di truyền học	1
8	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0.25
9	Trần Huệ Minh			x			Hình học	0.25
10	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			Hình học	0.2
11	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0.165
12	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0.16
13	Phạm Thị Tuyết Mai				x		Giải tích	0.16
14	Ngô Tú Quyên				x		Toán tin	0.16
15	Từ Quang Tân			x			Chăn nuôi	0.2
16	Vũ Văn Anh			x			Địa lý kinh tế TG	0.5
17	Nguyễn Đức Vượng					x	Họa	0.33
18	Nguyễn Văn Thiều				x		Âm nhạc	0.5
19	Đỗ Mạnh Hải				x		Họa	0.5
20	Hồ Thủy Ngân					x	Múa	0.5
21	Nguyễn Thị Thương Huyền				x		Âm nhạc	0.33
22	Nguyễn Thanh Tiến					x	Âm nhạc	0.5
23	Đỗ Thị Thái Thanh				x		TĐTT	0.33
24	Nguyễn Thị Tuyết Mai			x			Giải tích	0.5
25	Ngô Huyền Nhung				x		GD học Mầm non	1
26	Vũ Thị Phương Thảo				x		Giáo dục học	0.5
27	Trương Thị Thùy Anh					x	Ngữ văn	1
28	Lê Thị Hương Giang				x		Ngôn ngữ học	0.33
29	Ngô Thị Thu Trang				x		Hán nôm	0.20
30	Nguyễn Thị Minh Thu			x			Ngôn ngữ học	0.2

31	Ngô Thị Thanh Quý			x			Văn học DG	0.33
32	Lê Thị Thương Thương				x		GD học Mầm non	1
33	Vũ Thị Thủy				x		GD học Mầm non	1
34	Lê Thị Thanh Huệ				x		GD học Mầm non	1
35	Nguyễn Tiến Trực				x		Ngoại ngữ	0.5
	Cộng	0	0	10	21	4		18.1

Biểu 7.18 Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Ngô Gia Võ			x			Văn học	0.5
2	Lâm Thùy Dương			x			Toán học	0.5
3	Lê Thị Thu Hương			x			Giáo dục học	0.5
4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			Giáo dục học	0.5
5	Nguyễn T.Hồng Chuyên				x		Giáo dục học	0.5
6	Nông Thị Trang				x		Văn học	0.5
7	Đặng Thị Lệ Tâm			x			Giáo dục học	0.5
8	Nguyễn Tú Quyên			x			Ngôn ngữ học	0.5
9	Trần Ngọc Bích			x			Giáo dục học	0.5
10	Bùi Huy Nam				x		Lịch sử	0.5
11	Vũ Thu Hà				x		Giáo dục học	1
12	Nguyễn Thị Thu				x		Tin học	0.25
13	Phạm Đình Chiến					x	Âm nhạc	0.5
14	Nguyễn Thị Thương Huyền				x		Âm nhạc	0.33
15	Trần Duy Vinh				x		Âm nhạc	0.5
16	Nguyễn Đức Vượng					x	Họa	0.33
17	Dương Thị Lê				x		Họa	0.5
18	Trần Thị Hợi					x	TĐTT	0.33
19	Nguyễn Thị Thu Hà (V)				x		Ngôn ngữ học	1
20	Trần Thị Kim Hoa				x		Văn học	0.5
21	Lý Văn Hoan				x		Toán học	0.5
22	Vũ Văn Nhân				x		Toán học	0.25
23	Nguyễn Tiến Trực				x		Ngoại ngữ	0.5
	Cộng	0	0	7	13	3		11.5

Biểu 7.19 Giáo dục Tiểu học- Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Ngô Gia Võ			x			Văn học	0.5
2	Lâm Thùy Dương			x			Toán học	0.5
3	Lê Thị Thu Hương			x			Giáo dục học	0.5
4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			Giáo dục học	0.5
5	Nguyễn T.Hồng Chuyên				x		Giáo dục học	0.5
6	Nông Thị Trang				x		Văn học	0.5
7	Đặng Thị Lệ Tâm			x			Giáo dục học	0.5
8	Nguyễn Tú Quyên			x			Ngôn ngữ học	0.5
9	Đặng Thị Thu Hương				x		Ngoại ngữ	1
10	Nguyễn Thị Thu				x		Tin học	0.25
11	Nguyễn Thị Hồng Minh				x		Ngoại ngữ	1
12	Mai Văn Căn				x		Ngoại ngữ	1
13	Dương Công Đạt				x		Ngoại ngữ	0.5
14	Phạm Thị Kiều Oanh				x		Ngoại ngữ	1
15	Trần Ngọc Bích			x			Giáo dục học	0.5
16	Bùi Huy Nam				x		Lịch sử	0.5
17	Trần Thị Kim Hoa				x		Văn học	0.5
18	Vũ Thị Hà				x		Giáo dục học	1
19	Lý Văn Hoan				x		Toán học	0.5
20	Vũ Văn Nhân				x		Toán học	0.25
	Cộng	0	0	7	13	0		12.0

Biểu 7.20 SP Toán - Tin

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đào Thị Liên			x			Giải tích	0.33
2	Lê Bích Liên				x		Công nghệ thông tin	0.2
3	Ngô Tú Quyên				x		Công nghệ thông tin	0.16
4	Đoàn Thị Minh Thái				x		Công nghệ thông tin	0.2
5	Lương Thị Hồng Lan				x		Công nghệ thông tin	0.2
6	Phạm Thị Tuyết Mai				x		Giải tích	0.16
7	Nguyễn Thị Ngân				x		Giải tích	0.2

8	Phạm Thị Thủy				x		Giải tích	0.2
9	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0.16
10	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0.165
11	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0.2
12	Hồ Thị Mai Phương				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
13	Trần Nguyệt Anh				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
14	Trịnh Thị Phương Thảo				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
15	Bạch Phương Vinh				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
16	Trần Thị Hồng Minh				x		Đại số	0.5
17	Đỗ Thị Giới				x		Đại số	0.33
18	Phạm Thị Hoài Thu				x		Hình học	0.5
19	Vũ Văn Nhân				x		Giải tích	0.25
20	Nguyễn Thị Thu				x		Tin học	0.25
21	Cáp Thanh Tùng				x		Công nghệ thông tin	0.5
22	Phạm Văn Tiến				x		Tin học	0.5
	Cộng	0	0	2	20	0		7.0

Biểu 7.20 SP Toán - Lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đào Thị Liên			x			Giải tích	0.33
2	Lê Bích Liên				x		Công nghệ thông tin	0.2
3	Ngô Tú Quyên				x		Công nghệ thông tin	0.16
4	Đoàn Thị Minh Thái				x		Công nghệ thông tin	0.2
5	Lương Thị Hồng Lan				x		Công nghệ thông tin	0.2
6	Phạm Thị Tuyết Mai				x		Giải tích	0.16
7	Nguyễn Thị Ngân				x		Giải tích	0.2
8	Phạm Thị Thủy				x		Giải tích	0.2
9	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0.16
10	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0.165
11	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0.2
12	Hồ Thị Mai Phương				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
13	Trần Nguyệt Anh				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
14	Trịnh Thị Phương Thảo				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
15	Bạch Phương Vinh				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
16	Trần Thị Hồng Minh				x		Đại số	0.5
17	Đỗ Thị Giới				x		Đại số	0.33
18	Phạm Thị Hoài Thu				x		Hình học	0.5
19	Vũ Văn Nhân				x		Giải tích	0.25

20	Vũ Thị Hồng Hạnh			x			VL đại cương	0.5
21	Đỗ Thùy Chi			x			VL đại cương	0.5
22	Vũ Thị Kim Liên		x				VL chất rắn	0.5
23	Trương Văn Hòa				x		VL lý thuyết	0.5
24	Phan Đình Quang				x		PP giảng dạy	0.5
25	Nguyễn Quang Linh				x		PP giảng dạy	0.5
26	Thái Quốc Bảo				x		PP giảng dạy	0.5
	Cộng	0	1	4	21	0		9.3

Biểu 7.22 SP Văn - Sử

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Mai Thị Nhung			x			Văn học Việt Nam	0.33
2	Nguyễn Kiến Thọ			x			Văn học Việt Nam	0.5
3	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			PPGD	0.5
4	Nguyễn Thị Kiều Hương				x		Ngôn ngữ	0.5
5	Ngô Thu Thủy			x			Ngôn ngữ	0.25
6	Ngô Thị Thu Trang				x		Hán nôm	0.20
7	Đặng Quyết Tiến				x		VH nước ngoài	0.25
8	Hoàng Thị Thập				x		VH nước ngoài	0.25
9	Dương Nguyệt Vân				x		Văn học Việt Nam	0.5
10	Nguyễn Mạnh Tiến				x		Tiếng việt	0.5
11	Hà Anh Tuấn				x		Văn học Việt Nam	0.5
12	Cao Thị Thu Hoài				x		Văn học Việt Nam	0.5
13	Lê Hồng My			x			Văn học Việt Nam	0.5
14	Hoàng Thị Mỹ Hạnh			x			Lịch sử Việt Nam	1
15	Nguyễn Thị Quế Loan			x			Nhân học văn hóa	0.5
16	Tạ Trương Chân					x	Phương pháp GD	0.5
17	Lê Thị Thu Hương				x		Phương pháp GD	0.5
18	Nguyễn Đức Thắng				x		Khảo cổ học	1
19	Hoàng Thị Trà My				x		Lịch sử thế giới	1
	Cộng	0	0	7	11	1		9.78

Biểu 7.23 SP Văn - Địa

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Mai Thị Nhung			x			Văn học Việt Nam	0.33
2	Nguyễn Kiến Thọ			x			Văn học Việt Nam	0.5
3	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			Phương pháp giảng dạy	0.5
4	Dương Nguyệt Vân				x		Văn học Việt Nam	0.5
5	Nguyễn Mạnh Tiến				x		Tiếng việt	0.5
6	Hà Anh Tuấn				x		Văn học Việt Nam	0.5
7	Cao Thị Thu Hoài				x		Văn học Việt Nam	0.5
8	Lê Hồng My			x			Văn học Việt Nam	0.5
9	Nguyễn Thị Kiều Hương				x		Ngôn ngữ	0.5
10	Ngô Thu Thủy			x			Ngôn ngữ	0.25
11	Ngô Thị Thu Trang				x		Hán nôm	0.20
12	Đặng Quyết Tiến				x		VH nước ngoài	0.25
13	Hoàng Thị Thập				x		VH nước ngoài	0.25
14	Đỗ Văn Hào				x		Phương pháp giảng dạy	0.5
15	Nguyễn Thị Thu Hà (Đ)				x		Địa lý tự nhiên	0.5
16	Lê Thị Nguyệt				x		Địa lý tự nhiên	1
17	Nguyễn Văn Sơn				x		Địa lý kinh tế - xã hội	1
	Cộng	0	0	5	12	0		8.3

Biểu 7.24 SP Sinh Hóa

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x		x			Di truyền học	0.25
2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0.25
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0.25
4	Nguyễn Văn Hồng		x				PPDH sinh học	0.25
5	Nguyễn Phúc Chính		x				PPDH sinh học	0.25
6	Lương Thị Thúy Vân			x			Trồng trọt	0.25
7	Vũ Thanh Trà			x			Di truyền học	0.25
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0.25
9	Nguyễn Thị Hà			x			PPDH sinh học	0.25
10	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0.25

11	Từ Quang Tân			x			Chăn nuôi	0.2
12	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0.25
13	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0.25
14	Nguyễn Thị Hằng				x		PPDH sinh học	0.33
15	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0.25
16	Phạm Thị Thanh Nhân				x		Di truyền học	0.33
17	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0.25
18	Bành Thị Mai Anh				x		Di truyền học	0.33
19	Hoàng Phú Hiệp				x		Di truyền học	0.33
20	Vũ Trọng Lượng				x		SL Động vật	0.33
21	Nguyễn Đức Hùng				x		SL Động vật	0.33
22	Đinh Thị Phụng			x			Sinh thái học	0.2
23	Hoàng Thanh Thủy					x	Chăn nuôi (GVTH)	0.33
24	Lê Thị Minh Hạnh					x	Chăn nuôi (GVTH)	0.33
25	Nguyễn T Hồng Chuyên					x	Hóa học (GVTH)	0.33
26	Cao Thị Phương Thảo					x	Sinh học (GVTH)	0.33
27	Nguyễn Việt Tiến			x			Vi sinh học	0.25
28	Đinh Thị Phụng			x			Sinh thái học	0.2
29	Nguyễn Thị Thu Hà (S)				x		Sinh lý thực vật	0.33
30	Nguyễn Hữu Quân				x		Hóa sinh	0.25
31	Phạm Hải					x	Hóa Vô cơ	0.5
32	Đinh Thuý Vân				x		Hóa Hữu cơ	0.5
33	Nguyễn Văn Trung				x		Hóa Vô cơ	0.5
34	Nguyễn Mậu Đức				x		Phương pháp GD	0.5
35	Lê Huy Hoàng				x		Phương pháp GD	0.5
36	Hoàng Thị Chiên			x			Phương pháp GD	0.5
37	Phạm Thị Hà Thanh			x			Hóa Vô cơ	0.5
38	Ngô Thị Mai Việt			x			Hóa CN- MT	0.5
39	Vũ Văn Nhượng						Hóa CN- MT	0.5
40	Nguyễn Thị Tổ Loan			x			Hóa vô cơ	0.5
41	Mai Thanh Nga			x			Hóa hữu cơ	1
42	Bùi Đức Nguyên			x			Hóa vô cơ	0.5
	Cộng	1	4	20	12	5	0	14.7

Biểu 7.25 SP Âm nhạc

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Đình Chiến					x	Âm nhạc	0.5

2	Trần Duy Vinh				x		Âm nhạc	0.5
3	Nguyễn Thị Thương Huyền				x		Âm nhạc	0.33
4	Nguyễn Văn Thiều				x		Âm nhạc	0.5
5	Phạm Minh Thùy					x	Âm nhạc	1
6	Hồ Thủy Ngân					x	Múa	0.5
7	Nguyễn Thanh Tiến				x	x	Âm nhạc	0.5
	Cộng	0	0	0	4	4		3.8

Biểu 7.26 SP Mỹ thuật

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Đức Vượng					x	Mỹ thuật	0.5
2	Dương Thị Lê				x		Mỹ thuật	0.5
3	Đỗ Mạnh Hải				x		Mỹ thuật	0.5
4	Đào Huyền Trang					x	Mỹ thuật	1
5	Dương Thu Trang					x	Mỹ thuật	1
	Cộng	0	0	0	2	3		3.5

Biểu 7.27 SP Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Vũ Đình Bắc					x	Tiếng Anh	0.5
2	Mai Văn Cẩn				x		Tiếng Anh	0.5
3	Nguyễn Thị Hồng Chuyên				x		Tiếng Anh	0.5
4	Dương Công Đạt				x		Tiếng Anh	0.5
5	Đàm Lệ Hoàng				x		Tiếng Trung	1
6	Đặng Thu Hương				x		Tiếng Anh	0.5
7	Lê Thị Thu Hương				x		Tiếng Anh	0.5
8	Lưu Lan Hương				x		Tiếng Trung	1
9	Nguyễn Thị Thu Hương				x		Tiếng Anh	0.5
10	Nguyễn Thị Hồng Minh				x		Tiếng Anh	0.5
11	Vì Huyền Minh				x		Tiếng Anh	0.5
12	Ngô Thị Bích Ngọc				x		Tiếng Anh	0.5
13	Trần Thị Bảo Ngọc					x	Tiếng Anh	0.5
14	Phạm Thị Kiều Oanh				x		Tiếng Anh	0.5
15	Nguyễn Thị Hạnh Phúc					x	Tiếng Trung	1
16	Đỗ Thị Ngọc Phương				x		Tiếng Anh	0.5

17	Nguyễn Quốc Thủy				x		Tiếng Anh	0.5
18	Nguyễn Thị Minh Trang				x		Tiếng Anh	0.5
19	Nguyễn Thị Đoan Trang				x		Tiếng Anh	0.5
20	Nguyễn Tiến Trực				x		Tiếng Anh	0.5
21	Vi Thị Trung				x		Tiếng Anh	0.5
22	Phùng Thị Thanh Tú				x		Tiếng Anh	0.5
23	Trần Thị Yến				x		Tiếng Anh	0.5
24	Phan Thanh Hải				x		Tiếng Anh	0.5
	Cộng	0	0	0	21	3		13.5

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu



Trần Việt Cường

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS NGUYỄN THỊ TÍNH